

Bản án số: **244/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 26/11/2018.

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi
dưỡng con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Công Tài.

+ Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị P, sinh năm 1987. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế M, sinh năm 1988. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lưu Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế M xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 11/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh M không lo làm ăn và hay ghen tuông vô cớ. Hai anh chị hiện đã sống ly thân, chị P về nhà mẹ ruột sống. Nay, chị P nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/12/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/9/2010. Cháu H bị khuyết tật, đang hưởng trợ cấp xã hội của nhà nước. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị P không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai ngày 14/9/2018, bị đơn – anh Nguyễn Thế M trình bày: Anh và chị P xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 11/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh M không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ, làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/12/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/9/2010. Cháu H bị khuyết tật, đang hưởng trợ cấp xã hội của nhà nước. Nếu ly hôn, anh M xin nuôi cháu Y và giao cháu H cho chị P nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M cố tình vắng mặt, Tòa án không thể hòa giải được. Tại phiên tòa, anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị P được ly hôn với anh M và giao con chung cho chị P nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Thế M tại thôn M, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam; chị P yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam ngày 11/6/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị P và anh M sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng anh chị mới xảy ra mâu thuẫn. Theo chị P, nguyên nhân do anh M không lo làm ăn và ghen tuông vô cớ; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp: “*Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị P*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị P và anh M đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh M và chị P không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Theo chị P và anh M, vợ chồng anh chị có 02 cháu tên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/12/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/9/2010. Cháu H bị khuyết tật, đang hưởng trợ cấp xã hội của nhà nước. Hiện cháu H và cháu Y đang ở với chị P. Chị P có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, anh M nguyện vọng được nuôi cháu Y và giao cháu H cho chị P nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 02/10/2018 thì chị P và anh M đều có khả năng lao động, anh M làm nghề lái xe, chị P làm nghề buôn bán nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 15/8/2018, cháu Y có nguyện vọng được ở với ba. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh M đã tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu H và cháu Y cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị P về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị P và anh Nguyễn Thế M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/9/2010 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ khả năng lao động và cháu Y đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Thị P phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006772 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế